

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số 17-NQ/TU

Điện Biên, ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng lên. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư, mở rộng đến cơ sở; tỷ lệ phủ sóng 4G/5G đạt khoảng 98%.

Nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành được hình thành; dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng rộng rãi, hiệu quả. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, giáo dục và quản lý nhà nước có nhiều chuyển biến; một số mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, phát triển sản phẩm đặc trưng và quảng bá du lịch bước đầu phát huy hiệu quả. Hoạt động sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo từng bước được quan tâm. Chuyển đổi số đạt nhiều kết quả nổi bật; Chỉ số chuyển đổi số (DTI) năm 2024 xếp thứ 6/34 tỉnh, thành phố; chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử năm 2025 được xếp loại xuất sắc. Giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2024 đạt khoảng 15%.

Tuy nhiên, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; quy mô, chất lượng các nhiệm vụ khoa học còn hạn chế, thiếu các nhiệm vụ lớn, có tính dẫn dắt và lan tỏa. Hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp còn yếu; số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ rất ít, chưa hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Hạ tầng số chưa đồng bộ, nhất là tại vùng sâu, vùng xa; năng lực lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu còn hạn chế; dữ liệu còn phân tán, thiếu chuẩn hóa và liên thông, chưa trở thành tài nguyên quan trọng phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn thiếu. So với mặt bằng chung khu vực Trung du và

miền núi phía Bắc, mức độ phát triển hạ tầng số, năng lực đổi mới sáng tạo và quy mô kinh tế số của tỉnh còn ở nhóm trung bình thấp.

Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn; nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế, phân tán, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; nhận thức và quyết tâm chính trị ở một số cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu chưa thật sự đầy đủ, chưa coi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá chiến lược. Cơ chế, chính sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đồng bộ, thiếu tính đột phá, chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp, nhà khoa học và các nguồn lực xã hội; năng lực phối hợp liên ngành còn hạn chế, việc gắn kết giữa nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, thị trường và đời sống xã hội còn hạn chế.

I- QUAN ĐIỂM

1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó có chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; lấy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo làm công cụ quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, doanh nghiệp tiên phong, cán bộ đi đầu, công tư đồng hành, tỉnh phát triển, Nhân dân thụ hưởng.

2. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá chiến lược hàng đầu, là động lực cốt lõi để thực hiện mô hình phát triển xanh, thông minh, bền vững. Đồng thời là công cụ quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hiện đại hóa nền hành chính.

3. Phát triển đồng bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế tầm thấp và kinh tế cận biên như các động lực tăng trưởng mới; coi dữ liệu là tài nguyên chiến lược mới và trí tuệ nhân tạo (AI) là công cụ cốt lõi để khai thác, phân tích, tạo giá trị gia tăng từ dữ liệu.

4. Chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển dựa trên dữ liệu, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lấy kết quả đầu ra, hiệu quả kinh tế - xã hội và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chủ yếu; coi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là công cụ đột phá để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo lợi thế phát triển khác biệt và bền vững cho tỉnh.

5. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải xuất phát từ đặc thù tỉnh Điện Biên; lấy giải quyết các “điểm nghẽn” về kết nối, logistics vùng cao, tiếp cận dịch vụ công, y tế, giáo dục và thị trường cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân làm trọng tâm; ưu tiên các giải pháp công nghệ phù hợp gắn với nông nghiệp đặc thù, du lịch lịch sử - văn hóa - sinh thái và kinh tế biên mậu,

bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh và giữ vững chủ quyền biên giới.

II- MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành nền tảng và động lực chủ yếu để tỉnh Điện Biên phát triển xanh, thông minh, bền vững; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với cơ cấu lại các ngành theo hướng giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về khoa học, công nghệ

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt trên 55%, trong đó các yếu tố công nghệ xanh, đổi mới sáng tạo đóng vai trò chủ đạo.

- Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ đạt tối thiểu 4% tổng chi ngân sách địa phương; ưu tiên nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Triển khai 40 - 60 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó trên 60% nhiệm vụ phục vụ trực tiếp phát triển nông nghiệp thông minh, bền vững, du lịch thông minh, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng dụng AI, công nghệ mới.

- Tối thiểu 70% kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, quản lý và đời sống.

- 50.000 ha vùng trồng được xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý bằng công nghệ số, trong đó 300 ha được ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất nông nghiệp thông minh.

- Có tối thiểu 6 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Nguồn nhân lực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 11-13 người/vạn dân.

2.2. Về đổi mới sáng tạo

- Hình thành 2 - 4 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, thông minh; có trên 50 doanh nghiệp khởi nghiệp, khoa học công nghệ.

- Có 10 - 15 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm/dịch vụ chủ lực, đặc trưng gắn với phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn.

- Mỗi năm có 8 - 12 đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hình thành thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Tối thiểu 60% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường đạt trên 30%. Hình thành 10 - 20 dự án, mô hình hiệu quả bền vững về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn.

- Hình thành 5 - 10 sản phẩm du lịch số/du lịch trải nghiệm thông minh; 100% các điểm đến du lịch được số hóa, nhất là 07 bản du lịch cộng đồng.

- Tối thiểu 95% hợp tác xã, hộ sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa có sản phẩm cụ thể tham gia các nền tảng số, sàn thương mại điện tử và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo để mở rộng thị trường, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm.

- Hình thành các mô hình thí điểm kinh tế tầm thấp, kinh tế cận biên gắn với logistics, nông nghiệp thông minh và du lịch trải nghiệm; giá trị gia tăng từ các hoạt động này đóng góp tối thiểu 1% GRDP tỉnh.

- Nghiên cứu, thử nghiệm UAV phục vụ phát triển kinh tế tầm thấp tại Trung tâm đổi mới sáng tạo.

2.3. Về chuyển đổi số

- Quy mô kinh tế số đạt trên 25% GRDP của tỉnh; trên 60% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh và cung ứng dịch vụ.

- 100% cơ quan nhà nước hoạt động trên môi trường số; 100% hồ sơ công việc được xử lý trực tuyến.

- 85% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến toàn trình; trên 80% người dân, doanh nghiệp thường xuyên sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tối thiểu 85% dữ liệu của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ qua nền tảng tích hợp dữ liệu tỉnh; tối thiểu 30 bộ dữ liệu mở được công bố phục vụ người dân, doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo.

- 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- 60% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.

- 100% trung tâm thương mại, cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

- 90% thôn, bản được phủ sóng 5G; 100% cán bộ công chức, viên chức; 90% dân số trưởng thành có kỹ năng số cơ bản.

- 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, có tài khoản giao dịch điện tử; 70% dân số trưởng thành có chữ ký số.

- Bảo đảm trang cấp 100% thiết bị đầu cuối hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người dùng ở các cơ quan đảng.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng có trách nhiệm xử lý văn bản trên mạng được trang bị chữ ký số theo quy định.

- Tiếp nhận và đưa vào sử dụng 100% phần mềm sử dụng trong các cơ quan đảng do Trung ương chuyển giao.

- Số hóa văn bản, tài liệu lưu trữ trong các cơ quan, cấp ủy đảng.

3. Mục tiêu đến năm 2035

Đến năm 2035, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của tỉnh; hình thành nền kinh tế xanh, thông minh, bền vững, trong đó nông nghiệp công nghệ cao và du lịch thông minh là hai trụ cột đột phá; chính quyền số, kinh tế số và xã hội số phát triển toàn diện; năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên rõ rệt, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP hai con số bền vững trong giai đoạn dài hạn. Đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP đạt trên 55%. Kinh tế số đạt 30% GRDP tỉnh. Mở rộng mô hình thí điểm thành mạng lưới hành lang kinh tế tầm thấp; kinh tế cận biên đóng góp 3 - 5% GRDP.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Về khoa học, công nghệ

1.1. Đổi mới cơ chế, tăng cường liên kết và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

- Thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các ngành, địa phương, doanh nghiệp; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng tạo sản phẩm, dịch vụ, quy trình công nghệ cụ thể, có địa chỉ ứng dụng rõ ràng, có khả năng thương mại hóa cao.

- Xây dựng và triển khai cơ chế hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, bao gồm thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, kết nối thị trường, xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ.

- Thiết lập cơ chế hợp tác thường xuyên, hiệu quả với các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, doanh nghiệp công nghệ lớn để chuyển giao tri thức, công nghệ, mô hình quản trị và đào tạo nhân lực. Hình thành các chương trình nghiên cứu - phát triển chung giữa doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu trong các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, gắn nghiên cứu khoa học với nhu cầu thị trường và phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Phát triển hạ tầng nghiên cứu, dữ liệu và tiêu chuẩn chất lượng

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, trạm thực nghiệm phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ số và đo lường - chất lượng.

- Chuẩn hóa, số hóa, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu khoa học, dữ liệu chuyên ngành; xây dựng nền tảng dữ liệu và tri thức phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới và hỗ trợ công tác quản lý, điều hành trên cơ sở dữ liệu.

1.3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm

a) Nông nghiệp, nông thôn

- Ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ số trong nông nghiệp đặc trưng, nông nghiệp hàng hóa tập trung, gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chọn tạo giống, canh tác thông minh, quản lý dịch bệnh, dự báo thời tiết nông vụ và tối ưu hóa chuỗi cung ứng nông sản.

- Thí điểm mô hình logistics không gian tầm thấp, UAV nông nghiệp trong giám sát sản xuất, vận chuyển vật tư, thu hoạch và tiêu thụ nông sản tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Du lịch, văn hóa và dịch vụ

- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, quản lý điểm đến, phát triển sản phẩm du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái gắn với lợi thế của tỉnh Điện Biên.

- Ứng dụng dữ liệu và AI trong dự báo thị trường cá nhân hóa sản phẩm, quản lý chất lượng dịch vụ và xúc tiến quảng bá du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái và du lịch biên giới.

- Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch, cộng đồng làm du lịch áp dụng nền tảng số trong quản trị, thanh toán, marketing số và kết nối các sàn thương mại điện tử du lịch trong và ngoài nước.

- Thí điểm các mô hình kinh doanh văn hoá mới gắn với nền tảng số. Xây dựng thiết chế "văn hóa số", "bảo tàng mở", "nhà hát di động", "thư viện số" thân thiện với mọi lứa tuổi.

c) Y tế và an sinh xã hội

- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; phát triển nền tảng khám, chữa bệnh từ xa, chẩn đoán hỗ trợ bằng AI và quản lý y tế cơ sở trên môi trường số.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý an sinh xã hội, trợ cấp, bảo hiểm, theo dõi đối tượng yếu thế và đánh giá tác động chính sách xã hội.

d) Giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hệ sinh thái giáo dục số: học liệu số, lớp học thông minh, nền tảng đào tạo trực tuyến, đánh giá năng lực học tập dựa trên dữ liệu.

- Tăng cường đào tạo STEM, AI, dữ liệu và kỹ năng đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên; gắn đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động địa phương.

- Xây dựng bộ học liệu số ứng dụng AI phục vụ giáo dục chính trị và nâng cao nghiệp vụ tỉnh Điện Biên.

đ) Phát triển kinh tế tầm thấp, kinh tế cận biên

- Phát triển kinh tế tầm thấp gắn với logistics, nông nghiệp thông minh và du lịch trải nghiệm; thí điểm hành lang vận chuyển - dịch vụ tầm thấp tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và khu, điểm du lịch trọng điểm; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, an toàn bay và bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy kinh tế cận biên thông qua nền tảng số, thương mại điện tử, dữ liệu mở và mô hình kinh tế chia sẻ; ưu tiên nông sản đặc sản, sản phẩm OCOP, dịch vụ du lịch cộng đồng, dịch vụ logistics vùng cao.

2. Về đổi mới sáng tạo

2.1. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học, công nghệ

- Xây dựng và vận hành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên theo mô hình mở, kết nối chính quyền - doanh nghiệp - viện, trường - cộng đồng khởi nghiệp; hình thành mạng lưới cố vấn, chuyên gia và nhà đầu tư.

- Hoàn thiện và khai thác hiệu quả các thiết chế, cơ sở vật chất phục vụ đổi mới sáng tạo: Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Điện Biên, Trường Cao đẳng Điện Biên, Tổ hợp giáo dục FPT, Tòa nhà Viettel, Trung tâm kho bãi Bưu điện tỉnh; gắn với hoạt động ươm tạo, tăng tốc và thương mại hóa công nghệ.

- Triển khai chương trình hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chuỗi: Ý tưởng - ươm tạo - tăng tốc - thương mại hóa - mở rộng thị trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ mới, chuyển đổi số, đổi mới mô hình kinh doanh; ưu tiên các lĩnh vực tỉnh có lợi thế như nông nghiệp đặc thù, chế biến nông sản, du lịch, logistics vùng cao, kinh tế số và dịch vụ sáng tạo.

- Phát triển thị trường công nghệ và dịch vụ khoa học, công nghệ. Xây dựng sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh; kết nối với sàn giao dịch công nghệ quốc gia và khu vực.

2.2. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo xanh, phát triển tài sản trí tuệ và kinh tế tri thức

- Triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

- Hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh dựa trên kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh và du lịch bền vững.

3. Về chuyển đổi số

3.1. Phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, an toàn

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin bảo đảm phủ sóng băng rộng cố định và di động đến 100% xã, phường, thôn, bản; phủ sóng 5G các thôn, bản.

- Đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh (DC) theo hướng tập trung, hiện đại; kết nối với các trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm khả năng lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn và vận hành các nền tảng AI, từng bước hình thành hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh; bảo đảm các trường dữ liệu riêng của tỉnh.

- Đầu tư trang thiết bị Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh phục vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Phát triển, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ để triển khai hiệu quả các hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ cho các cơ quan đảng; bảo đảm hạ tầng kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan đảng từ cấp tỉnh tới cấp xã với băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị đầu cuối đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan đảng.

3.2. Phát triển nền tảng dữ liệu và chia sẻ dữ liệu dùng chung

- Phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; số hóa tài liệu, cập nhật các cơ sở dữ liệu của tỉnh bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", thúc đẩy liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Hoàn thiện Cổng dữ liệu mở của tỉnh; công bố dữ liệu công phục vụ người dân, doanh nghiệp, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

- Hoàn thiện dữ liệu về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phục vụ xúc tiến, thu hút đầu tư; số hóa và quảng bá tiềm năng thế mạnh.

3.3. Phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Hoàn thiện các nền tảng số dùng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước: Hệ thống họp trực tuyến, quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp, họp không giấy

tờ, thông tin báo cáo, hệ thống thư điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống chỉ đạo điều hành, cổng thông tin điện tử tỉnh,...

- Mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa theo vòng đời người dân và doanh nghiệp; tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia và các nền tảng định danh, xác thực điện tử.

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, thủ tục hành chính trên môi trường số; ứng dụng dữ liệu và AI trong tiếp nhận, phân loại, xử lý hồ sơ và đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

3.4. Phát triển kinh tế số, doanh nghiệp số và xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, quản lý, marketing, thương mại điện tử và logistics; ưu tiên nông sản đặc sản, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng và dịch vụ vùng cao.

- Thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử và nền tảng quản trị số trong doanh nghiệp.

- Phát triển các nền tảng số cộng đồng phục vụ học tập trực tuyến, y tế từ xa, du lịch số, văn hóa số và tương tác chính quyền - người dân.

3.5. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh thế hệ mới

- Nâng cấp IOC cấp tỉnh theo hướng tích hợp đa lĩnh vực: Kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường, giao thông, an ninh trật tự, y tế, giáo dục, du lịch, phòng chống thiên tai và quản lý biên giới.

- Kết nối IOC với hệ thống dữ liệu lớn và nền tảng AI để phục vụ dự báo, cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Từng bước mở rộng mô hình IOC đến các ngành, cấp xã phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3.6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền số

Triển khai mô hình bảo vệ an toàn thông tin theo mô hình "4 lớp" đối với hệ thống thông tin của tỉnh; xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cấp tỉnh.

Triển khai các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hóa và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số ở các cấp.

IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó có chuyển đổi số trong các cơ quan đảng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Lòng ghép mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách tạo đột phá

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, thông thoáng, phù hợp với các chủ trương, nghị quyết mới của Trung ương.

- Xây dựng cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các ngành, địa phương, doanh nghiệp; thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; gắn trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì với hiệu quả ứng dụng.

- Ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu - phát triển (R&D), đổi mới công nghệ, chuyển đổi số; chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, mô hình kinh doanh và dịch vụ số mới trong các lĩnh vực: AI, UAV nông nghiệp - logistics tầm thấp, dữ liệu mở, dịch vụ công số, du lịch số và thương mại điện tử vùng cao; cho phép áp dụng cơ chế linh hoạt về thủ tục, tài chính, đấu thầu và chia sẻ dữ liệu trong phạm vi, thời gian và đối tượng thí điểm được phê duyệt.

3. Tăng cường đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Ưu tiên bố trí và huy động đa dạng nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trọng tâm là nâng cấp, mở rộng hạ tầng số, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hệ thống phòng thí nghiệm; thúc đẩy hợp tác công - tư.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa; có chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, trí thức, nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

- Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, nhất là người dân khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp khoảng cách về tiếp cận và sử dụng công nghệ số.

5. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế

- Chủ động mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước, quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là kênh quan trọng để tiếp cận tri thức mới, công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại và nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển nhanh, xanh và bền vững của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai chương trình hợp tác quốc tế có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu và lợi thế như: Nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; du lịch thông minh, bảo tồn và phát huy giá trị di sản; y tế số, giáo dục số; dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và chính quyền số.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Căn cứ Nghị quyết này và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị đề cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện. Lãnh đạo, chỉ đạo đưa các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình công tác hằng năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ việc triển khai thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*).

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình, nguồn lực và cơ chế phối hợp; phân công cụ thể trách nhiệm cho từng sở, ban, ngành, địa phương. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo luật định, tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết; xem xét, ban hành cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để bảo đảm nguồn lực và điều kiện thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện, giám sát và phản biện xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết này.

6. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

7. Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c),
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương (để b/c),
- Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT - XH tỉnh,
- Các ban, sở, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các đồng chí thành viên BCĐ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, CDS-CY.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035
(kèm theo Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 27/02/2026 của Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cấp ủy theo dõi chỉ đạo	Cơ quan chủ trì	Kết quả cần đạt được	Thời gian thực hiện
I	Phát triển khoa học, công nghệ				
1	Triển khai các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các nhiệm vụ, đề tài ứng dụng khoa học công nghệ	2026 - 2030
2	Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, bao gồm thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, kết nối thị trường, xúc tiến đầu tư và chuyển giao công nghệ.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Tối thiểu 75% kết quả nghiên cứu được thương mại hóa, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, quản lý và đời sống.	2026-2030
3	Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, đa dạng sinh học	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1. Hệ thống bao gồm Camera thu thập dữ liệu trực quan; sử dụng công nghệ AI để phân tích giữ liệu; hệ thống điều hành, phòng điều khiển. 2. Lắp đặt Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng tự động là sử dụng các thiết bị công nghệ với các cảm biến về nhiệt độ, độ ẩm, mưa... quy mô lắp 42 bảng trên địa bàn tỉnh. 3. Thiết lập hệ thống ảnh chụp đánh giá đa dạng sinh học, điều tra các loại động vật, giám sát các hành vi tác động đến động, thực vật hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học.	2026-2030

4	Xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1. Điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng sản xuất các cây trồng nông nghiệp cho các xã trên địa bàn tỉnh.	Năm 2026
				2. Xây dựng bản đồ nông hóa quy mô cấp xã trên địa bàn tỉnh.	
				3. Xây dựng bản đồ định hướng vùng trồng quy mô cấp xã trên địa bàn tỉnh.	
				4. Đề xuất phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng phục vụ nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp	
				5. Xây dựng bản đồ khuyến cáo bón phân cân đối và chế độ canh tác thích hợp cho một số cây trồng chính.	
				6. Xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến (WebGIS) phục vụ quản lý và chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.	
5	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm thông minh tích hợp công nghệ cảm biến IoT và trí tuệ nhân tạo AI trong trồng cà phê, mắc ca, dừa và chanh leo	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm thông minh tích hợp cảm biến IoT thu thập dữ liệu môi trường và đất canh tác; xây dựng cơ sở dữ liệu từ dữ liệu cảm biến, tích hợp và vận hành hệ thống tưới thông minh kết hợp mô hình AI nhằm đề xuất chế độ tưới phù hợp và hỗ trợ cảnh báo tình trạng dinh dưỡng đất cho diện tích khoảng 160ha cây cà phê, mắc ca, dừa và chanh leo trên địa bàn tỉnh.	Quý I/2026
6	Chương trình hỗ trợ hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chuỗi	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Có trên 50 doanh nghiệp khởi nghiệp, khoa học và công nghệ.	2026-2028
7	Phát triển kinh tế tầm thấp gắn với logistics, nông nghiệp và du lịch	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ngành liên quan	Xây dựng ≥ 02 mô hình thí điểm; giảm $\geq 10\%$ chi phí logistics.	2026 - 2030
8	Xây dựng bản đồ số các sản phẩm OCOP, nghề truyền thống tỉnh Điện Biên phục vụ phát triển du lịch	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xây dựng bản đồ số các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 3 sao trở lên trên địa bàn tỉnh; các làng nghề, nghề truyền thống được công nhận trên địa bàn tỉnh.	Quý I/2027

II	Đổi mới sáng tạo				
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hình thành hạ tầng trung tâm cho đổi mới sáng tạo và ươm tạo doanh nghiệp tại tỉnh Điện Biên; trang thiết bị chuyên ngành phục vụ mục đích nghiên cứu, phân tích, kiểm tra, chẩn đoán một cách chính xác, hiệu quả; triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình công nghệ và chính sách mới; phòng Lab; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tiếp cận công nghệ, dữ liệu và thị trường; tạo nền tảng phát triển kinh tế số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương.	2026-2028
10	Xây dựng nền tảng dữ liệu và tri thức phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới và hỗ trợ công tác quản lý, điều hành trên cơ sở dữ liệu	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Xây dựng nền tảng dữ liệu và tri thức dùng chung, liên thông, chuẩn hóa, phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu.	2026-2030
11	Xây dựng Tòa nhà Viettel	Đảng ủy UBND tỉnh	Viettel Điện Biên	Trụ sở làm việc, giao dịch, nghiên cứu phát triển thị trường, công nghệ.	2026 - 2030
12	Kho bãi, mạng lưới điểm phục vụ bưu chính thông minh, hiện đại	Đảng ủy UBND tỉnh	Bưu điện tỉnh	Kho bãi lưu trữ, vận chuyển được đầu tư mới; Nâng cấp, sửa chữa các điểm phục vụ bưu chính toàn tỉnh.	2026 - 2030
13	Tham tập và vận hành Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.	Năm 2026
14	Triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Trên 20 đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích. 03-05 chỉ dẫn địa lý; tối thiểu 30 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm chủ lực, đặc trưng gắn với phát triển xanh	2026-2030
15	Xây dựng sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Xây dựng sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh nhằm kết nối cung - cầu công nghệ, thúc đẩy chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng công nghệ mới và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.	Quý II/2027
III	Về chuyển đổi số				

16	Xây dựng phát triển hạ tầng số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp Viễn thông, CNTT	Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 được ban hành đảm bảo phù hợp với Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	2026-2030
17	Mở rộng các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin và nền tảng đô thị thông minh tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm tích hợp dữ liệu; CSDL dữ liệu tích hợp dùng chung; đô thị thông minh IOC; hệ thống an toàn an ninh thông tin.	2026 - 2029
18	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Đầu tư trang thiết bị, hệ thống hạ tầng Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	2026-2027
19	Mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh Điện Biên	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống hội nghị trực tuyến tỉnh	2026-2027
20	Trang cấp thiết bị công nghệ thông tin cho các cơ quan và người dùng trong các cơ quan đảng các cấp	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị, hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, cấp tỉnh, cấp xã.	2026-2028
21	Nâng cấp các nền tảng số dùng chung	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp, hợp không giấy, thông tin báo cáo, hệ thống thư điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống chỉ đạo điều hành, công thông tin điện tử tỉnh,...	2026-2030
22	Số hóa tài liệu tại Lưu trữ trong các cơ quan, cấp ủy Đảng.	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Văn bản, tài liệu tài liệu của các cơ quan tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được số hóa.	2026-2027
23	Số hoá tài liệu lưu trữ trong các cơ quan thuộc khối Chính quyền.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	100% Văn bản, tài liệu tài liệu của các cơ quan tổ chức cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được số hóa.	2026-2030
24	Xây dựng kho học liệu số, kho bài giảng điện tử dùng chung, Thư viện số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kho học liệu số chất lượng, chia sẻ toàn ngành.	2027-2028
25	Đầu tư phòng dạy học trực tuyến	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến.	2027-2028

26	Hệ thống quản lý và khám chữa bệnh thông minh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế	Triển khai bệnh án điện tử, bệnh viện không giấy tờ, không tiền mặt. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đảm bảo người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, có tài khoản giao dịch điện tử.	2026-2028
27	Xây dựng phần mềm Trợ lý ảo (AI) hỗ trợ cho cán bộ công chức, viên chức trong môi trường làm việc. Hỏi đáp bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo AI.	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Tích hợp mô hình trí tuệ nhân tạo AI hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức. Chuẩn hóa và phát huy giá trị cơ sở dữ liệu khoa học của bảo tàng; hỗ trợ nghiên cứu công chúng và quản lý hoạt động.	2026-2030
28	Hệ thống tuyên truyền cổ động trực quan bằng màn hình led	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch	Hệ thống màn hình led tại các địa điểm đã khảo sát để phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ tuyên truyền, cung cấp thông tin, hình ảnh trực quan.	2026-2027
29	Xây dựng nền tảng hội chợ, triển lãm, xúc tiến đầu tư AI trực tuyến	Đảng ủy UBND tỉnh	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Xây dựng hệ thống hội chợ, triển lãm trực tuyến hỗ trợ tích hợp gian hàng ảo công nghệ thực tế ảo AR; triển khai hệ thống trợ lý AI nội bộ - eKip AI xúc tiến, quảng bá sản phẩm địa phương; xây dựng Trang thông tin tích hợp VR360 tour xúc tiến đầu tư...	Quý II/2026
30	Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý giáo dục của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	CSDL giáo dục “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, liên thông”	2027-2028
31	Xây dựng trợ lý AI cá nhân hóa cho giáo viên và học sinh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	AI hỗ trợ soạn giáo án, thiết kế kế hoạch bài dạy, sinh hệ thống câu hỏi nhiều mức độ tư duy, phân tích kết quả học...	2028-2030
32	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Tài chính	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Tài chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách, đầu tư công, tài sản công...	2027-2028
33	Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn điện, lưới điện và cơ sở năng lượng khác	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công Thương	Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu nguồn điện, lưới điện và cơ sở năng lượng khác phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh	2027-2028

34	Xây dựng Hệ thống quản lý CSDL dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Điện Biên, có tích hợp công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Phần mềm quản lý công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo	2026-2030
35	Xây dựng dữ liệu quản lý, trang thiết bị hoạt động đối ngoại	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Ngoại vụ	1. Phần mềm quản lý đoàn ra - đoàn vào; phần mềm theo dõi các thỏa thuận quốc tế; các dự án Phi chính phủ nước ngoài; phần mềm hỗ trợ biên, phiên dịch làm việc đa ngôn ngữ.	2027-2029
				2. Trang thiết bị phòng làm việc tiếp khách quốc tế, họp trực tuyến, màn hình Led).	
36	Xây dựng bổ sung cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng giao thông; hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác theo dõi, quản lý (các tuyến đường giao thông, hệ thống thoát nước, chiếu sáng, công viên	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Xây dựng cơ sở dữ liệu về kết cấu hạ tầng giao thông; hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác theo dõi, quản lý.	
37	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cấp tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	Công an tỉnh	Xây dựng các hệ thống SIEM (thu thập, phân tích log, sự kiện bảo mật); hệ thống phát hiện/phòng chống xâm nhập (IDS/IPS); nền tảng giám sát, phân tích mã độc, quản lý lỗ hổng; hệ thống cảnh báo, điều phối xử lý sự cố (SOAR).	2026-2030
IV Phát triển nguồn nhân lực, truyền thông					
38	Chương trình phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	100% cán bộ công chức, viên chức; 100% dân số trưởng thành có kỹ năng số cơ bản.	2026-2030
39	Chương trình truyền thông trọng điểm về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các chương trình truyền hình, truyền thanh, ấn phẩm tuyên truyền.	2026-2030